TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13 / 2019 / HNGĐ-ST.
Ngày: 14– 02 – 2018 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Thành Long

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Huỳnh Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 266/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Hoàng B, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Chị T, anh Võ Hoàng B kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ngày 03/8/2017. Thời gian đầu mới cưới vợ, chồng sống chung rất hạnh phúc, về sau thì bất đồng quan điểm sống,

mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Vợ, chồng ít quan tâm lẫn nhau nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Hoàng B.

- Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 23/02/2018, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh Chị T đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Chị T xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh Võ Hoàng B biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của Chị T cung cấp. Anh Võ Hoàng B không có văn bản trả lời, không có yêu cầu gì trong vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Trình bày, phát biểu của Kiểm sát viên tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với bị đơn anh Võ Hoàng B.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 23/02/2018 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh Bvắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 03 tháng 8 năm 2017 Chị T, anh B kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng và hiện nay đã ly thân, không đoàn tựu lại là có thật. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Blà có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 23/02/2018 sống chung với Chị T. Sau khi ly hôn giao con chung cháu A cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với bị đơn anh Võ Hoàng B.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 23/02/2018 cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Bị đơn anh B không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006674 ngày 12/9/2018, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện MT 01b;*
- *THA DS huyện MT 01b;*
- *Phòng KTNV & THA TAT 01b;*
- *UBND xã K 01b;*
- *Các đương sự 02bản ;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo